TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 149/2021/HNGĐ-ST Ngày 14-6-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.

2. Bà Trần Thị Minh Thâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị V, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị V trình bày: Chị và anh Đặng Văn T tìm hiểu được một thời gian rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 02 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với cha mẹ chồng. Vợ chồng chị chỉ chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn, sau đó xảy ra Nều mâu thuẫn vì anh T tính tình gia trưởng, không chăm lo cho gia đình, không tôn trọng chị. Chị cố gắng để sống hòa hợp vì

con nhưng không có kết quả nên chị bỏ về nhà mẹ ruột ở tỉnh Phú Yên sống. Sau khi chị về Phú Yên thì anh T cũng không để chị sống yên, thường xuyên xúc phạm, chửi mắng chị vô cớ. Vì con còn đi học nên chị để con ở với ông bà nội để tiện cho việc học nhưng gia đình anh T cản trở không cho chị thăm con, chị gọi điện thoại gặp con thì anh T không cho gặp. Nay xét thấy không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Đặng Hồng Ái N, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2013. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa anh Đặng Văn T vắng mặt nhưng trong biên bản lấy lời khai đương sự ngày 26 tháng 5 năm 2021, anh T trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị V. Con chung Đặng Hồng Ái N hiện nay đang sống cùng anh nên anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị V được ly hôn, giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Đặng Văn T là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đang cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, chị Trương Thị V và anh Đặng Văn T vắng mặt nhưng đều có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V, anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị Trương Thị V và anh Đặng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 02 năm 2013 tại UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên nên hôn nhân giữa chị V, anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị V yêu cầu ly hôn. Anh T không đến Tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai đương sự, anh T đồng ý ly hôn. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị V, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị V được ly hôn anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Chị V, anh T có 01 con chung là cháu Đặng Hồng Ái N, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2013. Hiện cháu N đang sống với anh T. Chị V, anh T đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy cháu N hiện do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian sống ly thân, anh T vẫn đảm bảo các điều kiện để cháu N được học hành và phát triển bình thường. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị V, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trương Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho chị Trương Thị V được ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Giao con chung là cháu Đặng Hồng Ái N, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2013 cho anh Đặng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay cháu N đang sống cùng với anh T. Anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Trương Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị

V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005799 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (Số 06/2013);
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên